THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1126/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 23 tháng 8 năm 2012

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2005 và Luật Sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Giáo dục ngày 25 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 75/2006/NĐ-CP ngày 02 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục;

Căn cứ Nghị định số 31/2011/NĐ-CP ngày 11 tháng 5 năm 2011 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 75/2006/NĐ-CP ngày 02 tháng 8 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Giáo dục;

Căn cứ Quyết định số 58/2010/QĐ-TTg ngày 22 tháng 9 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành "Điều lệ trường đại học";

Căn cứ Quyết định số 2067/QĐ-TTg ngày 09 tháng 12 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội;

Xét đề nghị của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Hiệu trưởng Trường Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Nguyễn Thiện Nhân

QUY CHẾ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ HÀ NỘI

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1126/QĐ-TTg ngày 23 tháng 8 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ)

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Đối tượng, phạm vi điều chỉnh

Bản Quy chế này quy định cơ cấu tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội.

Điều 2. Vị trí pháp lý

1. Trường Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội (sau đây gọi tắt là Trường) là trường đại học công lập thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, được thành lập theo Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (sau đây gọi tắt là Việt Nam) và Chính phủ nước Cộng hòa Pháp (sau đây gọi tắt là Pháp) về thành lập và phát triển Trường Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội ký ngày 12 tháng 11 năm 2009 và Quyết định số 2067/QĐ-TTg ngày 09 tháng 12 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội.

2. Trường có tư cách pháp nhân, có con dấu, có biểu tượng và tài khoản riêng. Trường được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước Việt Nam và ngân hàng thương mại. Trường có trụ sở chính đặt tại thành phố Hà Nội.

3. Trường trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo, chịu sự quản lý nhà nước về giáo dục và đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo; chịu sự quản lý hành chính theo lãnh thổ của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

4. Trường hoạt động theo quy định của hiến pháp, pháp luật Việt Nam.

Điều 3. Mục tiêu

1. Mục tiêu dài hạn của Trường là phấn đấu trở thành một trường đại học, một trung tâm đào tạo, nghiên cứu hàng đầu ở Việt Nam, đạt trình độ khu vực và quốc tế.

2. Trường tổ chức các chương trình đào tạo trình độ đại học và sau đại học chất lượng cao, đặc biệt là đào tạo chất lượng cao những chuyên ngành mạnh của Pháp và phù hợp với nhu cầu của Việt Nam. Trường tổ chức nghiên cứu phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam trong những lĩnh vực khoa học và công nghệ mũi nhọn.

3. Mô hình tổ chức và hoạt động của Trường là một mô hình mới, nhằm tạo động lực thúc đẩy đổi mới hệ thống giáo dục đại học Việt Nam, góp phần nâng chất lượng giáo dục đại học Việt Nam lên ngang tầm các trường tiên tiến trong khu vực và thế giới.

Điều 4. Chức năng và nhiệm vụ

Trường có chức năng và nhiệm vụ sau:

1. Đào tạo nguồn nhân lực cao về nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ trình độ cao phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam, đặc biệt trong những lĩnh vực khoa học, công nghệ mũi nhọn.

2. Đào tạo ở ba trình độ: Cử nhân (03 năm), Thạc sĩ (02 năm), Tiến sĩ (03 năm). Thực hiện hoạt động đào tạo gắn kết chặt chẽ với hoạt động nghiên cứu. Sinh viên, học viên, nghiên cứu sinh hoàn thành chương trình đào tạo được Trường cấp bằng tương ứng với trình độ đào tạo.

3. Tiến hành nghiên cứu khoa học và công nghệ trong mối liên hệ chặt chẽ với giới doanh nghiệp và công nghiệp; phổ biến và chuyển giao các kết quả nghiên cứu này.

4. Định hướng học tập cho sinh viên, chuẩn bị và theo dõi việc hội nhập nghề nghiệp của sinh viên tốt nghiệp.

5. Hợp tác với các tổ chức quốc tế và trong nước, các cơ sở giáo dục đại học của Việt Nam, của Pháp và các nước khác nhằm thực hiện các chức năng, nhiệm vụ trên.

6. Tổ chức các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, đặc biệt là cho đội ngũ giảng viên, cán bộ và viên chức của Trường.

7. Thực hiện các dịch vụ công theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Quyền tự chủ

Trường được xây dựng theo định hướng đề cao nguyên tắc tự chủ, tự chịu trách nhiệm, tự do học thuật trong đào tạo và nghiên cứu. Quyền tự chủ của Trường được thể hiện như sau:

1. Về chiến lược: Trường được tự xác định mục tiêu trung hạn và xây dựng chiến lược phát triển dài hạn.

2. Về hoạt động: Trường được quyết định về các dự án nghiên cứu và đề xuất các chương trình đào tạo.

3. Về hợp tác: Trường được tự xây dựng các chương trình hợp tác trong nước và quốc tế.

4. Về tổ chức: Trường được xây dựng quy định nội bộ và quyết định về cơ cấu tổ chức các đơn vị trực thuộc.

5. Về nhân sự: Trường được tuyển dụng, quản lý và sử dụng cán bộ giảng viên, nhân viên theo các tiêu chuẩn và mức lương được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Trường được quyết định số lượng biên chế và được thành lập Hội đồng chức danh giáo sư cơ sở.

6. Về tài chính: Trường được quyền huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực nhằm thực hiện mục tiêu đào tạo của Trường, được tự quyết định sử dụng nguồn kinh phí theo quy chế chi tiêu nội bộ của Trường.

Điều 6. Trách nhiệm xã hội

Trường có trách nhiệm xã hội như sau:

1. Tham khảo ý kiến của xã hội về việc xây dựng cơ sở vật chất, hỗ trợ tài chính cho sinh viên, hoạt động giáo dục, xây dựng môi trường giáo dục tốt đối với các ngành và trình độ đào tạo.

2. Thực hiện, phổ biến và chuyển giao các kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong xã hội.

3. Tăng cường bình đẳng giới, tạo điều kiện học tập thuận lợi cho những sinh viên khuyết tật, sinh viên gặp khó khăn và sinh viên dân tộc thiểu số.

4. Đề cao tinh thần bảo vệ môi trường trong việc lập kế hoạch, quy hoạch, xây dựng và bảo trì cơ sở vật chất và thiết bị.

5. Tổ chức các hoạt động văn hóa - xã hội và thể thao phục vụ sinh viên và cán bộ, viên chức của Trường.

6. Công bố qua trang web, giải trình với xã hội và cấp có thẩm quyền những thông tin liên quan đến:

a) Hoạt động đào tạo, nghiên cứu, tuyển dụng, sử dụng cơ sở vật chất, và thiết bị;

b) Chỉ tiêu tuyển sinh và phương thức tuyển sinh, tổ chức đào tạo, phương thức kiểm tra, đánh giá kết quả đào tạo và những quy định riêng liên quan đến học tập, quyền lợi và nghĩa vụ của sinh viên;

c) Chất lượng đào tạo, nghiên cứu; chế độ, chính sách nhằm đảm bảo đời sống cho cán bộ, giảng viên và điều kiện học tập, sinh hoạt cho sinh viên;

d) Các khoản thu, chi đầu tư cho cơ sở vật chất và thiết bị;

đ) Dữ liệu thống kê hàng năm về sinh viên tốt nghiệp, sinh viên tiếp tục học sau đại học và hội nhập nghề nghiệp.

7. Báo cáo Bộ Giáo dục và Đào tạo hàng năm hoặc đột xuất về việc thực hiện các mục tiêu, hoạt động và sử dụng kinh phí được cấp.

Điều 7. Đánh giá và đảm bảo chất lượng

1. Trường được đánh giá thông qua những tiêu chí đánh giá gồm các chỉ số mục tiêu được Trường xây dựng với sự giúp đỡ của chuyên gia ngoài Trường. Những tiêu chí này gồm các bảng chỉ số theo dõi hoạt động và năng lực của Trường.

2. Đơn vị đảm bảo chất lượng của Trường có trách nhiệm hàng năm đánh giá công tác quản lý và vận hành của Trường trong công tác đào tạo, nghiên cứu, tuyển dụng cán bộ, giảng viên, nhân viên, xây dựng cơ sở vật chất, phục vụ người học, khuyến cáo kiến nghị thực hiện các quy trình nhằm nâng cao chất lượng dịch vụ.

3. Thực hiện việc kiểm định chương trình giáo dục của Trường theo quy định và do các cơ quan kiểm định chất lượng giáo dục của Pháp, Việt Nam hoặc của các nước tiên tiến thực hiện nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo, nghiên cứu, học thuật, quản lý và dịch vụ.

4. Hội đồng Khoa học quốc tế gồm các thành viên là nhà khoa học có uy tín trên thế giới, không thuộc biên chế và không hưởng lương của Trường, có vai trò tư vấn cho Ban giám hiệu trong công tác đánh giá và đảm bảo chất lượng. Hội đồng Khoa học quốc tế tổ chức hội nghị qua video, qua điện thoại. Khi cần thiết tổ chức hội nghị, Hộp đồng có thể họp tại Trường.

Chương II
TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Điều 8. Cơ cấu tổ chức

Trường có Hội đồng trường, Hội đồng Nội trị (Senat), Ban Giám hiệu, Hội đồng Khoa học và Đào tạo, các khoa, phòng, ban, các đoàn thể và tổ chức chính trị - xã hội.

Điều 9. Hội đồng trường

1. Hội đồng trường Trường Đại học Khoa học và Công nghệ Hà Nội (sau đây gọi tắt là Hội đồng trường) là tổ chức chịu trách nhiệm quyết định về phương hướng hoạt động của nhà trường, huy động và giám sát việc sử dụng các nguồn lực dành cho trường, gắn nhà trường với cộng đồng và xã hội.

2. Các thành viên của Hội đồng trường do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo bổ nhiệm theo đề nghị của hai bên (Việt Nam và Pháp). Hội đồng trường gồm 20 thành

viên (trong đó có 1 Chủ tịch và 2 Phó chủ tịch) không thuộc biên chế của Trường, không hưởng lương nhưng có thể được hưởng thù lao và phụ cấp khi tham gia vào các cuộc họp của Hội đồng trường. Mức thù lao, phụ cấp sẽ được xác định trong quy chế chi tiêu nội bộ của Trường. Hội đồng trường gồm 10 đại diện của phía Việt Nam và 10 đại diện của phía Pháp do mỗi bên giới thiệu theo các thành phần như sau:

a) 2 đại diện Chính phủ;

b) 3 đại diện các trường đại học và tổ chức nghiên cứu;

c) 2 nhà khoa học ở ngoài Trường;

d) 3 đại diện xã hội dân sự (có thể là đại diện doanh nghiệp, tổ chức xã hội, Quỹ phát triển Trường, cựu sinh viên của trường).

3. Hiệu trưởng không là thành viên của Hội đồng trường, được mời dự họp các cuộc họp của Hội đồng trường nhưng không có quyền biểu quyết.

4. Nhiệm kỳ của Hội đồng trường là 05 năm. 5 năm một lần, mỗi bên bổ nhiệm mới 50% và bổ nhiệm lại 50% số thành viên. Mỗi thành viên không tham gia Hội đồng trường quá hai nhiệm kỳ liên tục.

5. Hội đồng Trường họp ít nhất mỗi năm hai lần. Các cuộc họp của Hội đồng trường được coi là hợp lệ khi có ít nhất 2/3 số thành viên tham dự biểu quyết những quyết định của phiên họp. Những thành viên không thể dự họp có thể cử người đại diện tham dự. Người đại diện có quyền biểu quyết khi có giấy ủy quyền hợp lệ của thành viên Hội đồng. Hội đồng trường được phép sử dụng các phương tiện truyền thông điện tử (như hội nghị qua video, qua điện thoại...) để phục vụ các cuộc họp và thực hiện hình thức bỏ phiếu từ xa.

6. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng trường:

a) Xác định chiến lược phát triển dài hạn về đào tạo, nghiên cứu, định hướng học thuật, chiến lược tài chính của Trường và quan hệ với giới công nghiệp;

b) Xem xét và xác định kế hoạch phát triển hàng năm và công tác đảm bảo chất lượng đào tạo, nghiên cứu, học thuật, quản lý và dịch vụ; kiểm tra công tác quản lý Trường của Hiệu trưởng;

c) Xem xét những kết quả đạt được trong việc thực hiện các mục tiêu và xây dựng định hướng chiến lược, kế hoạch hành động, ngân sách tài chính cho năm sau và những phương hướng tài chính cho 5 năm tới;

d) Đề nghị Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại hoặc miễn nhiệm Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng trên cơ sở đề xuất của Hội đồng Nội trị;

đ) Phê duyệt danh sách thành viên Hội đồng Nội trị (Senat);

e) Xem xét và phê duyệt các đề nghị của Hội đồng Nội trị (Senat) liên quan đến:

- Dự án xây dựng và phát triển Trường trong đó có việc thành lập, giải thể và phát triển các khoa, các vị trí giảng dạy và nghiên cứu;

- Xây dựng mới, thay đổi hoặc hủy bỏ các chương trình đào tạo;

- Cấp học bổng, trợ cấp nghiên cứu, trao giải thưởng theo đúng chiến lược phát triển của Trường;

g) Quy định, phê duyệt các mẫu văn bằng của Trường;

h) Bổ nhiệm thành viên ngoài trường của Hội đồng khoa học và đào tạo và các thành viên của Hội đồng khoa.

7. Quyết định của Hội đồng trường được thông qua với sự đồng ý của đa số các thành viên có mặt hoặc có đại diện. Phiếu trắng được coi là không tán thành. Phương thức bỏ phiếu do Chủ tịch Hội đồng trường quyết định.

Điều 10. Chủ tịch và các Phó Chủ tịch Hội đồng trường

1. Chủ tịch Hội đồng trường chịu trách nhiệm triệu tập các cuộc họp của Hội đồng trường, quyết định về chương trình nghị sự, chủ tọa các cuộc họp và tổ chức bỏ phiếu tại cuộc họp. Chủ tịch Hội đồng trường lãnh đạo việc theo dõi thực hiện những quyết định của Hội đồng trường, đảm nhiệm trách nhiệm của Hội đồng trường, Khi có những vấn đề khẩn cấp không thể nhóm họp Hội đồng trường kịp thời, sau khi tham khảo ý kiến của một số thành viên của phía Việt Nam và phía Pháp, Chủ tịch Hội đồng trường được quyền quyết định và báo cáo Hội đồng trường trong cuộc họp gần nhất sau đó.

2. Chủ tịch Hội đồng trường là một thành viên Hội đồng trường, quốc tịch Việt Nam, được Hội đồng trường đề cử và Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo công nhận. Nhiệm kỳ của Chủ tịch Hội đồng trường là 5 năm, có thể gia hạn, nhưng không được quá hai nhiệm kỳ liên tục. Trong nhiệm kỳ 05 năm đầu, Chủ tịch Hội đồng trường là Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Các Phó Chủ tịch Hội đồng trường là thành viên Hội đồng trường, giúp việc cho Chủ tịch Hội đồng trường và thực hiện các nhiệm vụ do Chủ tịch Hội đồng trường giao.

4. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo chỉ định một đại diện phía Việt Nam và một đại diện phía Pháp vào vị trí Phó Chủ tịch Hội đồng trường.

Điều 11. Hội đồng Nội trị (Senat)

1. Hội đồng Nội trị đảm nhiệm vai trò trung gian giữa Hội đồng trường với Hiệu trưởng. Nhiệm kỳ của Hội đồng Nội trị theo nhiệm kỳ của Hiệu trưởng.

2. Thành phần của Hội đồng Nội trị gồm có:

a) Hiệu trưởng;

b) 8 đại diện đội ngũ Giáo sư và Phó Giáo sư;

c) 4 đại diện giảng viên và nghiên cứu viên;

d) 2 đại diện viên chức không phải là giảng viên và nghiên cứu viên;

đ) 2 đại diện sinh viên;

e) 4 đại diện nhà khoa học ngoài Trường.

3. Các thành phần b, c, d và đ được các tập thể tương ứng trong Trường bầu bằng phương thức bầu cử tự do, trực tiếp và bỏ phiếu kín. Bốn nhà khoa học ngoài Trường do Hội đồng trường lựa chọn.

4. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng Nội trị:

a) Tư vấn và đề xuất với Hội đồng trường:

- Việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm hoặc miễn nhiệm Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng;

- Việc thành lập, thay đổi hoặc giải thể các Khoa, bộ môn;

- Kế hoạch phát triển nhà trường;

- Xây dựng mới, thay đổi hoặc hủy bỏ các chương trình đào tạo và quy định mẫu văn bằng;

- Kế hoạch ngân sách;

- Quy chế tuyển dụng giảng viên, nghiên cứu viên;

- Thành lập Hội đồng tuyển dụng giảng viên, nghiên cứu viên, nhân viên kỹ thuật, hành chính và Hội đồng chức danh giáo sư cơ sở;

- Kế hoạch và quy mô tuyển sinh hàng năm.

b) Phê duyệt việc tuyển dụng nhân lực giảng viên, nghiên cứu viên, nhân viên kỹ thuật hoặc hành chính, v.v...

5. Chủ tịch Hội đồng Nội trị là Hiệu trưởng, có quyền triệu tập các cuộc họp của Hội đồng Nội trị, đảm nhiệm vai trò chủ tọa, chuẩn bị chương trình nghị sự và tổ chức bỏ phiếu tại Hội đồng Nội trị. Trường hợp vắng mặt, Hiệu trưởng ủy quyền cho một Phó Hiệu trưởng đảm nhiệm trách nhiệm Chủ tịch Hội đồng Nội trị.

6. Hội đồng Nội trị họp ít nhất 3 tháng 1 lần, ra quyết định theo nguyên tắc đa số phiếu.

7. Trong những năm đầu hoạt động, cơ cấu và số lượng thành viên Hội đồng Nội trị có thể thành lập gồm 12 người: Hiệu trưởng, 02 Phó Hiệu trưởng, 05 giảng viên, 01 sinh viên, 01 nhân viên, 02 nhà khoa học có uy tín ngoài trường.

Điều 12. Ban Giám hiệu

1. Ban Giám hiệu Trường gồm Hiệu trưởng và các Phó Hiệu trưởng do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quyết định bổ nhiệm trên cơ sở đề nghị của Hội đồng trường.

2. Ban Giám hiệu có nhiệm vụ và quyền hạn sau:

a) Chỉ đạo thực hiện các chiến lược và dự án do Hội đồng trường quyết định.

b) Điều hành các hoạt động thường xuyên của Trường.

c) Báo cáo các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, tài chính hàng năm, chuẩn bị kế hoạch hoạt động và ngân sách cho năm tới, trình Hội đồng trường quyết định nhằm xây dựng bản báo cáo hàng năm của Trường với Bộ Giáo dục và Đào tạo.

d) Các thành viên Ban Giám hiệu chịu trách nhiệm theo nhiệm vụ và quyền hạn theo sự phân công của Hiệu trưởng.

Điều 13. Hiệu trưởng

1. Hiệu trưởng là người đại diện cao nhất của Trường theo pháp luật Việt Nam; chịu trách nhiệm trực tiếp quản lý và điều hành các hoạt động của nhà trường theo quy định của pháp luật và của Điều lệ này.

2. Hiệu trưởng được bầu khi thành lập Hội đồng Nội trị mới. Hội đồng Nội trị mới lựa chọn ứng viên Hiệu trưởng bằng hình thức bỏ phiếu kín và báo cáo kết quả với Hội đồng trường.

3. Nhiệm kỳ của Hiệu trưởng là 05 năm và có thể được bầu lại nhưng không quá hai nhiệm kỳ liên tiếp.

4. Hiệu trưởng có nhiệm vụ và quyền hạn sau:

a) Lãnh đạo, quản lý và điều hành mọi hoạt động của trường theo chế độ thủ trưởng;

b) Chịu trách nhiệm trước pháp luật và Hội đồng trường về toàn bộ các hoạt động của Trường và về việc thi hành nhiệm vụ của cán bộ, giảng viên, học viên, sinh viên của Trường theo quy định của pháp luật;

c) Ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ theo cơ chế tài chính được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

d) Ban hành hoặc sửa đổi Nội quy và các Quy chế thi;

đ) Bổ nhiệm hoặc bãi nhiệm Chánh Văn phòng, Trưởng, phó phòng, ban, khoa, các giảng viên, nghiên cứu viên, nhân viên hành chính và kỹ thuật;

e) Triệu tập và chủ trì các cuộc họp của Hội đồng Nội trị. Trong trường hợp Hiệu trưởng vắng mặt, có thể ủy nhiệm cho một Phó Hiệu trưởng đảm nhiệm trách nhiệm Chủ tịch Hội đồng Nội trị;

g) Báo cáo hàng năm về các hoạt động, đào tạo, nghiên cứu khoa học, tuyển dụng giảng viên, nghiên cứu viên, nhân viên và tài chính của Trường với Bộ Giáo dục và Đào tạo làm cơ sở xây dựng kế hoạch và đánh giá hiệu quả hoạt động của Trường;

h) Đề xuất một ứng viên (người Việt Nam) để bổ nhiệm vào vị trí kế toán trưởng hoặc phụ trách kế toán của Trường để Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét quyết định;

i) Khi Hiệu trưởng không nhất trí với quyết nghị hoặc kết luận của Hội đồng Nội trị thì Hiệu trưởng có quyền báo cáo và giải trình trước Hội đồng trường.

5. Hiệu trưởng là chủ tài khoản của Trường.

6. Hiệu trưởng có thể bị bãi nhiệm với sự đồng ý của tối thiểu 12 thành viên Hội đồng trường.

Điều 14. Các Phó Hiệu trưởng

1. Các Phó Hiệu trưởng chịu trách nhiệm giúp việc cho Hiệu trưởng trong các lĩnh vực công việc được Hiệu trưởng giao.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của các Phó Hiệu trưởng do Hiệu trưởng quy định, phân công thông qua việc ban hành các quyết định và thông báo công khai.

3. Các Phó Hiệu trưởng do Hội đồng Nội trị bầu chọn theo đề xuất của Hiệu trưởng, được Hội đồng trường thông qua và được Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quyết định bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của Phó Hiệu trưởng theo nhiệm kỳ của Hiệu trưởng và có thể được bầu lại.

4. Các Phó Hiệu trưởng có thể bị bãi nhiệm với sự đồng ý của tối thiểu 12 thành viên Hội đồng trường.

Điều 15. Chánh Văn phòng

1. Chánh Văn phòng do Hiệu trưởng quy định tuyển chọn và bổ nhiệm trên cơ sở đồng ý của Hội đồng trường.

2. Chánh Văn phòng giúp Ban Giám hiệu chỉ đạo và tổ chức hoạt động của các phòng hành chính, tài vụ và kỹ thuật của Trường.

Điều 16. Hội đồng khoa học và đào tạo

1. Hội đồng khoa học và đào tạo là Hội đồng tư vấn giúp Hội đồng Nội trị và Hội đồng trường trong lĩnh vực đào tạo và nghiên cứu khoa học về:

a) Định hướng chiến lược đào tạo, nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ;

b) Bổ sung hay điều chỉnh các vị trí giảng viên, nghiên cứu viên và những yêu cầu đối với mỗi vị trí;

c) Đề xuất thành viên các Ban tuyển dụng giảng viên, nghiên cứu viên;

d) Đề xuất, lựa chọn những dự án khoa học và người tham gia vào các dự án này;

đ) Đề xuất các thành viên ngoài trường tham gia Hội đồng khoa.

2. Hội đồng khoa học và đào tạo được thành lập theo quyết định của Hiệu trưởng trên cơ sở quyết nghị của Hội đồng trường, gồm cơ cấu các thành viên như sau: 30% là các Trưởng khoa, 50% là các giảng viên, nghiên cứu viên trong trường, 20% là các nhà khoa học có uy tín bên ngoài trường. Nhiệm kỳ của Hội đồng khoa học theo nhiệm kỳ của Hiệu trưởng.

Điều 17. Các khoa giảng dạy và nghiên cứu

1. Các khoa có nhiệm vụ:

a) Đào tạo và bồi dưỡng;

b) Xác định các chương trình đào tạo, phương pháp giảng dạy và phương thức đánh giá giảng dạy của giảng viên, phương thức đánh giá kết quả học tập của sinh viên, học viên cao học và nghiên cứu sinh;

c) Chuẩn bị cho sinh viên bước vào cuộc sống nghề nghiệp;

d) Xác định, lựa chọn và tiến hành các đề án nghiên cứu;

đ) Thực hiện hợp tác quốc tế, thu hút sinh viên và giảng viên - nghiên cứu viên người nước ngoài;

2. Đối với giai đoạn mới thành lập, Trường đặt mục tiêu thành lập các khoa giảng dạy và nghiên cứu: Khoa Công nghệ Sinh học và Dược học; Khoa Hàng không và Vũ trụ; Khoa Năng lượng; Khoa Công nghệ thông tin và Truyền thông; Khoa Vật liệu - Công nghệ Nano; Khoa Môi trường - Nước - Hải dương học; Khoa Đào tạo đại học; Khoa Ngoại ngữ; Khoa Khoa học Quản lý.

Điều 18. Hội đồng khoa

1. Hội đồng khoa có vai trò đảm bảo quản lý nội bộ trong khoa. Hội đồng khoa do Trưởng khoa lãnh đạo. Nhiệm kỳ của Hội đồng khoa theo nhiệm kỳ của Trưởng khoa.

2. Hội đồng khoa có nhiệm vụ:

a) Đề xuất lên Hội đồng Nội trị các quy chế về giảng dạy, kiểm tra kết quả đào tạo mà khoa phụ trách;

b) Thông qua các dự án nghiên cứu khoa học của khoa theo các đề xuất chiến lược của Hội đồng trường;

c) Định ra cơ cấu của khoa, xác định nhu cầu tài chính, nhân sự của khoa;

d) Thành lập các hội đồng tuyển dụng, hoặc giúp Hội đồng khoa học và đào tạo thành lập các hội đồng tuyển dụng đối với mỗi vị trí cần tuyển của Khoa.

3. Hội đồng khoa gồm các thành viên của các tổ bộ môn trong Khoa, trong đó 60% là các giảng viên, nghiên cứu viên trong trường, 10% là sinh viên, 10% là các nhân viên kỹ thuật, hành chính và 20% là các nhà khoa học có uy tín bên ngoài khoa. Các ủy viên này được bầu bằng bỏ phiếu kín theo mỗi bộ phận nhân sự của khoa. 20% ủy viên ngoài khoa do Hội đồng khoa học đào tạo đề nghị Hội đồng trường xem xét, quyết định.

Điều 19. Ban chủ nhiệm khoa

1. Ban Chủ nhiệm khoa gồm: Trưởng khoa và các Phó Trưởng khoa.

2. Trưởng khoa có trách nhiệm chỉ đạo, phân công, giám sát đội ngũ giảng viên, nhân viên kỹ thuật, hành chính; điều phối giảng dạy, nghiên cứu; tổ chức kiểm tra, đánh giá các hoạt động của khoa theo nội quy của trường; tổ chức và điều phối công tác nghiên cứu khoa học có sự tham gia của các đơn vị nghiên cứu bên ngoài khoa; chủ trì các buổi họp của Hội đồng khoa.

3. Nhiệm kỳ của Trưởng khoa là 05 năm, Trưởng khoa có thể được bầu lại nhưng không được làm quá hai nhiệm kỳ liên tiếp.

4. Trưởng khoa do Hội đồng khoa bầu trong số giáo sư đang giảng dạy trong khoa hay ngoài trường, ứng viên được bầu sẽ được Hiệu trưởng bổ nhiệm.

5. Các Phó trưởng khoa giúp việc cho Trưởng khoa. Nhiệm vụ và quyền hạn của Phó trưởng khoa do Trưởng khoa quy định.

6. Các Phó trưởng Khoa do Trưởng khoa đề nghị và được Hiệu trưởng bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của Phó trưởng khoa theo nhiệm kỳ của Trưởng khoa.

Điều 20. Các Hội đồng tuyển dụng

1. Các Hội đồng tuyển dụng có trách nhiệm lựa chọn các ứng viên vào những vị trí, chức danh giảng viên hay nhân viên hành chính, kỹ thuật, xác định các tiêu chí lựa chọn ứng viên về phẩm chất, năng lực và đánh giá các ứng viên qua hồ sơ, phỏng vấn nhằm đề xuất các ứng viên cho Hội đồng Nội trị tuyển dụng.

2. Thành viên các Hội đồng tuyển dụng gồm các chuyên gia trong và ngoài trường về các lĩnh vực liên quan tới vị trí cần tuyển.

3. Nguyên tắc làm việc của các Hội đồng tuyển dụng được quy định trong Nội quy của Trường; các Hội đồng tuyển dụng tự giải tán khi hoàn thành nhiệm vụ.

4. Trách nhiệm thành lập Hội đồng tuyển dụng: Ban Giám hiệu thành lập hội đồng tuyển dụng các vị trí hành chính; Hội đồng khoa học và đào tạo thành lập Hội

đồng tuyển dụng các vị trí Trưởng, phó khoa, giáo sư, phó giáo sư; Hội đồng khoa thành lập Hội đồng tuyển dụng các vị trí nghiên cứu, giảng dạy.

Điều 21. Ban chuyển giao công nghệ

1. Ban chuyển giao công nghệ có vai trò đảm bảo các hoạt động chuyển giao và phát triển công nghệ, thành lập và triển khai vườn ươm công nghệ; đảm bảo mối liên hệ giữa giới công nghiệp và các hoạt động nghiên cứu đào tạo của nhà Trường.

2. Việc thành lập Ban chuyển giao công nghệ, quy định chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Ban chuyển giao công nghệ được quy định tại Nội quy của Trường. Trưởng Ban chuyển giao công nghệ do Hiệu trưởng bổ nhiệm.

Điều 22. Hội đồng chức danh giáo sư

1. Trường được thành lập Hội đồng chức danh giáo sư cơ sở. Quy định tổ chức và hoạt động của Hội đồng, điều kiện, quy trình bổ nhiệm, miễn nhiệm chức danh giáo sư, phó giáo sư được thực hiện theo quy định của pháp luật.

2. Các khoa thuộc Trường có quyền thành lập Hội đồng bổ nhiệm chức danh giáo sư, phó giáo sư theo quyết định của Chủ nhiệm khoa trên cơ sở nhất trí của Hội đồng khoa. Hội đồng bổ nhiệm chức danh giáo sư, phó giáo sư có trách nhiệm đề cử người đủ tiêu chuẩn để cấp có thẩm quyền quyết định bổ nhiệm chức danh giáo sư, phó giáo sư theo quy định. Các ứng viên của chức danh giáo sư, phó giáo sư không được tham gia vào Hội đồng bổ nhiệm chức danh giáo sư, phó giáo sư.

Điều 23. Các phòng hành chính, kỹ thuật

Các phòng hành chính, kỹ thuật của Trường do Hiệu trưởng ra quyết định thành lập theo đề nghị của Chánh Văn phòng. Nhiệm vụ, chức năng của các phòng này được quy định trong nội quy của trường. Chánh Văn phòng chịu trách nhiệm đảm bảo hoạt động của các phòng ban trên của nhà trường.

Điều 24. Các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội

Trường được thành lập các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp trong trường theo quy định của pháp luật. Các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội trong Trường có nhiệm vụ tham gia, góp phần thực hiện mục tiêu giáo dục của Trường, phù hợp với quy định của Luật Giáo dục.

Chương III
GIẢNG VIÊN VÀ SINH VIÊN, HỌC VIÊN, NGHIÊN CỨU SINH

1. Giảng viên của Trường có trách nhiệm tuân thủ luật pháp Việt Nam và các quy định của Trường. Giảng viên của Trường được tuyển chọn theo tiêu chí tuyển

chọn do Trường quy định nhằm đáp ứng yêu cầu cao về chuyên môn, năng lực nghiệp vụ, phẩm chất đạo đức và không trái với quy định về tiêu chuẩn giảng viên của Luật Giáo dục. Giảng viên của Trường phải có trình độ chuyên môn cao, có năng lực tốt để trang bị cho sinh viên phương pháp tư duy sáng tạo, cách giải quyết vấn đề và có định hướng ứng dụng thực tế thông qua chương trình, nội dung, phương pháp đào tạo tiên tiến.

2. Giảng viên của Trường phải có trình độ tiến sĩ trở lên, có năng lực giảng dạy và nghiên cứu đáp ứng quy định của Trường.

3. Giảng viên của Trường được quyền tự chủ trong giảng dạy và nghiên cứu, được quyền tự do học thuật theo quy định tại Quy chế này.

4. Việc tuyển chọn giảng viên do Hiệu trưởng phê duyệt.

5. Giảng viên của Trường được tuyển dụng theo chế độ hợp đồng ngắn hạn hoặc dài hạn, trong đó ưu tiên giảng viên hợp đồng dài hạn.

6. Trường có trách nhiệm thực hiện đánh giá định kỳ về hiệu quả làm việc của giảng viên theo quy định của Trường để sắp xếp công việc cho phù hợp nhằm đáp ứng yêu cầu cao của Trường về đào tạo và nghiên cứu khoa học.

Điều 26. Sinh viên, học viên và nghiên cứu sinh

1. Công dân Việt Nam, người Việt Nam định cư ở nước ngoài và công dân các quốc tịch khác có đạo đức tốt, có học lực giỏi hoặc xuất sắc và đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định về tuyển sinh của Trường đều được đăng ký dự tuyển, xét tuyển, thi tuyển vào trường.

2. Sinh viên, học viên và nghiên cứu sinh thực hiện nhiệm vụ và quyền theo quy định của Luật Giáo dục. Ngoài ra, sinh viên, học viên và nghiên cứu sinh của trường còn có các nhiệm vụ, quyền lợi và trách nhiệm sau:

a) Thực hiện quy chế đào tạo của Trường;

b) Thực hiện nghĩa vụ đóng học phí và các khoản khác theo quy định của nhà trường;

c) Sinh viên, học viên, nghiên cứu sinh người Việt Nam được hưởng các chính sách ưu đãi theo luật pháp của Việt Nam. Sinh viên, học viên, nghiên cứu sinh người nước ngoài có trách nhiệm tôn trọng pháp luật Việt Nam, phong tục tập quán truyền thống của người Việt Nam;

d) Các sinh viên, học viên và nghiên cứu sinh xuất sắc được Trường khuyến khích, có chế độ ưu tiên riêng trong học tập, nghiên cứu, đào tạo;

đ) Các sinh viên giỏi mà gia đình có thu nhập thấp, các sinh viên người dân tộc thiểu số hay người thuộc nhóm xã hội ít có điều kiện theo học đại học và làm việc

trong ngành khoa học và công nghệ sẽ được ưu tiên trong quá trình tuyển chọn; Trường sẽ có chế độ đặc biệt để giúp đỡ các sinh viên này trong quá trình học tập.

Chương IV
HỢP TÁC GIỮA TRƯỜNG VỚI VIỆN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ VIỆT NAM

Điều 27. Mục tiêu, nguyên tắc hợp tác

1. Mục tiêu hợp tác giữa Trường với Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam là đào tạo cán bộ khoa học Việt Nam có trình độ quốc tế và phát triển nghiên cứu khoa học.

2. Nguyên tắc hợp tác:

a) Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam và các Viện chuyên ngành là đối tác chiến lược của Trường trong quá trình xây dựng và phát triển của Trường.

b) Đảm bảo quyền lợi và trách nhiệm của các bên tham gia trong quá trình xây dựng và phát triển Trường

c) Sử dụng tối đa các nguồn lực sẵn có của nhau.

d) Thể thức của sự hợp tác được cụ thể hóa trong văn bản thỏa thuận được ký giữa Trường và Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam.

Điều 28. Trách nhiệm và quyền lợi của Trường và Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam

1. Hợp tác xây dựng chương trình đào tạo chi tiết cho bậc Cử nhân, Thạc sĩ được dạy trong Trường.

2. Hợp tác trong các chương trình nghiên cứu và cùng chia lợi ích vật chất, tài chính và các kết quả nghiên cứu. Trao đổi nhân sự đối với các hoạt động nghiên cứu khoa học, giảng dạy và hành chính.

3. Trường được sử dụng nhà cửa, thiết bị của Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam cho các hoạt động nghiên cứu, đào tạo và hành chính trong giai đoạn đầu hoạt động.

4. Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam được sử dụng cơ sở vật chất của Trường khi Trường có cơ sở riêng.

5. Thể thức về sử dụng nhà cửa, thiết bị; phân chia quyền lợi, kết quả nghiên cứu sẽ được cụ thể hóa trong các văn bản thỏa thuận được ký giữa Trường và Viện Khoa học và Công nghệ Việt Nam.

Chương V
TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN

Điều 29. Các nguồn tài chính của Trường

Các nguồn tài chính của Trường bao gồm:

1. Kinh phí do Nhà nước cấp:

a) Kinh phí chi đầu tư phát triển: Trường được ngân sách nhà nước cấp chi đầu tư xây dựng mới và đồng bộ cơ sở vật chất, trang thiết bị tiên tiến để đảm bảo chất lượng giảng dạy và nghiên cứu khoa học;

b) Kinh phí chi thường xuyên;

c) Kinh phí chi thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và công nghệ;

d) Kinh phí thực hiện chương trình đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, viên chức;

đ) Kinh phí thực hiện nhiệm vụ đột xuất được cấp có thẩm quyền giao;

e) Vốn đầu tư xây dựng cơ bản, kinh phí mua sắm trang thiết bị, sửa chữa lớn tài sản cố định phục vụ hoạt động sự nghiệp theo dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt trong phạm vi dự toán được giao hàng năm;

g) Vốn đối ứng thực hiện các dự án có nguồn vốn nước ngoài được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

h) Kinh phí khác (nếu có).

2. Nguồn vốn vay Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB) để thực hiện Hiệp định khoản vay đã được ký kết giữa Việt Nam và ADB.

3. Nguồn viện trợ của Pháp được dùng để chi trả phần lớn các hoạt động đào tạo, nghiên cứu, quản lý và điều hành theo cam kết giữa Pháp và Việt Nam.

4. Các nguồn thu của Trường gồm:

a) Nguồn thu từ học phí, lệ phí;

b) Nguồn thu từ các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ;

c) Các nguồn thu từ các hoạt động khác của Trường như: hoạt động sự nghiệp, hoạt động dịch vụ; nguồn hỗ trợ của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước;

d) Nguồn hỗ trợ của Quỹ phát triển Trường do các tổ chức, cá nhân Pháp tài trợ và Quỹ phát triển Trường do các doanh nghiệp Việt Nam tài trợ;

đ) Các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

Điều 30. Nội dung chi của Trường

Nội dung chi của Trường bao gồm:

1. Tiền lương, tiền công:

a) Tiền lương của các cán bộ quản lý, giảng viên người Pháp: do phía Pháp chi trả theo cam kết giữa Pháp và Việt Nam;

b) Tiền lương, tiền công của các cán bộ quản lý, giảng viên và nhân viên người Việt Nam: Trường được quyết định mức thu nhập của giảng viên, cán bộ quản lý và nhân viên căn cứ vào trình độ, năng lực chuyên môn, kết quả làm việc và khả năng cân đối nguồn tài chính của Trường.

2. Chi đảm bảo các hoạt động theo chức năng nhiệm vụ được giao.

3. Chi phục vụ cho công tác thu phí và lệ phí.

4. Chi cho các hoạt động dịch vụ (kể cả chi thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước, trích khấu hao tài sản theo quy định).

5. Chi thực hiện các nhiệm vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học và công nghệ.

6. Chi thực hiện chương trình đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, viên chức.

7. Chi vốn đối ứng thực hiện các dự án có vốn nước ngoài.

8. Chi thực hiện nhiệm vụ đột xuất được cấp có thẩm quyền giao.

9. Chi đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm tài sản trang thiết bị, sửa chữa lớn tài sản cố định, thực hiện các dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

10. Chi thực hiện các dự án từ nguồn viện trợ ngoài nước.

11. Các khoản chi khác.

Điều 31. Quản lý tài chính và tài sản

1. Trường là đơn vị sự nghiệp công lập, tự chủ và tự chịu trách nhiệm về hoạt động tài chính. Trường hoạt động theo cơ chế tài chính đặc thù do Thủ tướng Chính phủ Việt Nam quy định. Trường được Nhà nước giao hoặc cho thuê đất, giao hoặc cho thuê cơ sở vật chất theo quy định của phát luật Việt Nam.

2. Trường xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ trình Hội đồng trường quyết định. Quy chế chi tiêu nội bộ của Trường là căn cứ để cơ quan quản lý nhà nước theo dõi, giám sát và là căn cứ để Kho bạc Nhà nước nơi giao dịch kiểm soát chi.

3. Trường thực hiện chế độ kế toán đối với đơn vị sự nghiệp công lập của Việt Nam; thực hiện chế độ dự toán và quyết toán hàng năm với Bộ Giáo dục và Đào tạo và thực hiện kiểm toán độc lập hàng năm.

4. Trường có trách nhiệm sử dụng tài sản theo đúng các mục tiêu, chức năng và nhiệm vụ được giao. Thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa, bảo vệ tài sản theo chế độ quy định. Lập và quản lý hồ sơ tài sản nhà nước; báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản theo quy định của pháp luật Việt Nam.

5. Trường thực hiện nghĩa vụ tài chính với nhà nước theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Chương VI
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 32. Hiệu lực thi hành

Quy chế này có giá trị hiệu lực trong 5 năm kể từ ngày ký. Sau 2 năm, phía Việt Nam và phía Pháp tiến hành đánh giá tính hiệu quả các điều khoản đã quy định trong quy chế. Trong giai đoạn này, mỗi bên hàng năm có thể đề nghị thay đổi điều chỉnh Quy chế này. Sau 5 năm, Bộ Giáo dục và Đào tạo tiến hành tổng kết, rút kinh nghiệm, báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét.

Điều 33. Nội quy của Trường

Trường soạn thảo một bản Nội quy cụ thể hóa các quy định tại Quy chế này để triển khai thực hiện trong các hoạt động của Trường và trình Hội đồng trường phê duyệt.

Điều 34. Sửa đổi quy chế

Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh khó khăn, vướng mắc, Hội đồng trường có trách nhiệm đề xuất với Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo xem xét hoặc Bộ Giáo dục và Đào tạo kết hợp với Hội đồng trường đề xuất để kiến nghị Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh, bổ sung, sửa đổi Quy chế này./.

KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Nguyễn Thiện Nhân